

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Trần Văn Dư	Thành viên
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

112500
NG T
HIỆM HỮ
OITT
T NAI
A - TP.

Số: *622* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.883.133.009.851	7.431.125.136.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	704.249.962.591	1.156.466.459.419
1. Tiền	111		24.249.962.591	30.466.459.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		680.000.000.000	1.126.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.123.798.555.870	4.123.259.579.397
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.390.862.858.850	2.125.226.257.381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.386.204.582	509.429.422
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	735.000.000.000	2.000.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		265.925.238	743.388.111
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.716.432.800)	(3.219.495.517)
IV. Hàng tồn kho	140	10	657.660.065.833	704.568.791.678
1. Hàng tồn kho	141		838.846.310.350	882.386.938.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(181.186.244.517)	(177.818.147.313)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.072.460.484	978.341.246
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	3.072.460.484	978.341.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.275.893.442.341	3.979.197.655.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.350.000.000.000	350.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.350.000.000.000	350.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		385.818.180.973	823.720.714.231
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	381.091.808.072	814.118.061.454
- Nguyên giá	222		13.379.885.214.999	13.368.851.538.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.998.793.406.927)	(12.554.733.477.352)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.726.372.901	9.602.652.777
- Nguyên giá	228		58.730.276.512	57.738.108.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.003.903.611)	(48.135.455.735)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		305.314.133.232	241.351.316.018
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	305.314.133.232	241.351.316.018
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.231.795.197.045	2.560.835.328.004
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	27.476.250.000	27.476.250.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(445.655.921.755)	(120.691.772.046)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	114.075.981.250	118.151.962.500
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.965.931.091	3.290.297.698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.965.931.091	3.290.297.698
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.159.026.452.192	11.410.322.792.764

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.277.753.965.429	5.610.618.530.717
I. Nợ ngắn hạn	310		1.266.466.521.376	1.528.106.455.597
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	430.681.867.232	392.764.230.238
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		461.388.080	115.156.018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	20.174.256.829	161.495.530.843
4. Phải trả người lao động	314		68.283.412.395	61.927.034.256
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	342.963.956.448	307.653.364.689
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.121.215.916	258.321.875.583
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	348.807.603.594	326.600.968.547
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.972.820.882	19.228.295.423
II. Nợ dài hạn	330		4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.881.272.486.763	5.799.704.262.047
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.881.272.486.763	5.799.704.262.047
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	157.128.522.365	157.128.522.365
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	487.842.267.483	477.555.204.456
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	2.099.554.425.764	2.028.273.264.075
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.577.039.664.248	979.235.479.601
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		522.514.761.516	1.049.037.784.474
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.159.026.452.192	11.410.322.792.764

Signature

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Signature

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Signature

Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	7.556.421.241.460	7.426.587.787.917
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		7.556.421.241.460	7.426.587.787.917
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	6.623.772.204.496	6.972.111.159.280
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		932.649.036.964	454.476.628.637
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	424.387.623.814	1.057.020.095.000
6. Chi phí tài chính	22	29	733.022.458.924	142.223.853.691
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.228.756.089	138.841.465.702
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		86.133.862.681	86.919.644.017
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		537.880.339.173	1.282.353.225.929
9. Thu nhập khác	31		21.239.519.794	21.189.256.830
10. Chi phí khác	32		923.651.335	12.811.887.742
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		20.315.868.459	8.377.369.088
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		558.196.207.632	1.290.730.595.017
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	35.681.446.116	241.692.810.543
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		522.514.761.516	1.049.037.784.474


Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu


Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>558.196.207.632</i>	<i>1.290.730.595.017</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	449.928.377.451	693.338.006.898
Các khoản dự phòng	03	332.829.184.196	1.773.173.161
Lãi/ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	203.313.279.013	(585.950.726.854)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(424.387.623.814)	(462.262.020.246)
Chi phí lãi vay	06	120.228.756.089	138.841.465.702
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>1.240.108.180.567</i>	<i>1.076.470.493.678</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	751.637.303.894	(741.027.706.579)
Thay đổi hàng tồn kho	10	43.540.628.641	231.456.744.173
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	369.211.056.674	297.415.330.786
Thay đổi chi phí trả trước	12	324.366.607	1.294.410.047
Tiền lãi vay đã trả	14	(120.607.420.109)	(146.301.864.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(179.860.966.804)	(390.219.320.967)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.416.474.541)	(21.105.785.157)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>2.074.936.674.929</i>	<i>307.982.301.931</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(279.820.547.468)	(185.002.835.567)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.715.000.000.000)	(3.954.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.031.500.000.000	4.245.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(27.600.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	404.696.268.176	469.946.531.767
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.558.624.279.292)</i>	<i>548.343.696.200</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(332.616.810.965)	(379.796.632.147)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(635.912.081.500)	(476.941.356.975)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(968.528.892.465)</i>	<i>(856.737.989.122)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(452.216.496.828)</i>	<i>(411.990.991)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.156.466.459.419	1.156.878.450.410
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	704.249.962.591	1.156.466.459.419

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.328 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.359).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư, thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ động.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Tất cả các chi phí lãi vay trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	4.729.754	71.763.148
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.245.232.837	30.394.696.271
Các khoản tương đương tiền (i)	680.000.000.000	1.126.000.000.000
	704.249.962.591	1.156.466.459.419

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.508.427.946.323	2.508.427.946.323	1.564.003.927.573	1.564.003.927.573
a1) Ngắn hạn	2.394.351.965.073	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073	1.445.851.965.073
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.380.000.000.000	2.380.000.000.000	1.430.000.000.000	1.430.000.000.000
- Khoản đầu tư khác (ii)	14.351.965.073	14.351.965.073	15.851.965.073	15.851.965.073
a2) Dài hạn	114.075.981.250	114.075.981.250	118.151.962.500	118.151.962.500
- Trái phiếu (iii)	114.075.981.250	114.075.981.250	118.151.962.500	118.151.962.500

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm và được tính lãi theo lãi suất cố định.

(ii) Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC).

(iii) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại bắt đầu từ ngày 19 tháng 5 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.563.375.137.550	445.655.921.755	2.563.375.137.550	120.691.772.046
b1) Đầu tư vào công ty con	27.476.250.000	-	27.476.250.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	-	27.476.250.000	-
b2) Đầu tư vào công ty liên kết	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	-
b3) Đầu tư vào đơn vị khác	1.084.843.117.400	445.655.921.755	1.084.843.117.400	120.691.772.046
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	406.527.921.755	817.295.117.400	84.042.772.046
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	-	70.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250.000.000	-	50.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	39.128.000.000	46.498.000.000	36.649.000.000

Các giao dịch giữa Công ty với Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 32 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu tiền điện	1.293.207.995.747	2.014.308.455.825
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	95.246.982.602	75.555.626.964
Phải thu khác	2.407.880.501	35.362.174.592
	1.390.862.858.850	2.125.226.257.381

Phải thu khách hàng các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 32 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Phải thu về cho vay				
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	735.000.000.000	735.000.000.000	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (ii)	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
	3.085.000.000.000	3.085.000.000.000	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền Tổng Công ty Phát điện 2 - trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty theo Hợp đồng huy động vốn số 01/2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Công ty đã giải ngân cho vay theo các kế ước nhận nợ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (Tiếp theo)

- Khế ước nhận nợ số 01/01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 07 tháng 7 năm 2015 với số tiền là 435 tỷ đồng, thời hạn huy động vốn 1 năm từ ngày 07 tháng 7 năm 2015. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày cuối cùng hàng quý. Khoản vay có lãi suất là 6,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày 07 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 và được tính bằng bình quân lãi suất huy động 12 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày đầu tiên hàng quý cộng biên 0,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo.
- Khế ước nhận nợ số 02/01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 10 năm 2015 với số tiền là 300 tỷ đồng, thời hạn huy động vốn 1 năm từ ngày 19 tháng 10 năm 2015. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày cuối cùng hàng quý. Khoản vay có lãi suất là 6,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày 19 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được tính bằng bình quân lãi suất huy động 12 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày đầu tiên hàng quý cộng biên 0,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo.

(ii) Phải thu về cho vay dài hạn bao gồm khoản:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu với số tiền là 350 tỷ đồng. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- Ủy thác quản lý vốn tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm: Phụ lục gia hạn hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 01-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1 nghìn tỷ đồng có thời hạn từ ngày 20 tháng 8 năm 2015 đến ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 02-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1 nghìn tỷ đồng có thời hạn từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019.

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	17.373.269.590	7.326.894.041	17.373.269.590	3.021.304.520
Các đối tượng khác	882.468.653	389.538.759	882.468.653	198.190.997
	18.255.738.243	7.716.432.800	18.255.738.243	3.219.495.517

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	831.863.735.955	(181.186.244.517)	876.061.948.444	(177.818.147.313)
Công cụ, dụng cụ	5.797.836.512	-	5.275.956.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.759.541	-	54.990.423	-
Thành phẩm	1.157.978.342	-	994.044.124	-
Cộng	838.846.310.350	(181.186.244.517)	882.386.938.991	(177.818.147.313)

Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu bao gồm than, dầu sử dụng cho các tổ máy phát điện và vật tư tồn kho được mua với mục đích sửa chữa thường xuyên và cho các công trình sửa chữa lớn.

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng bổ sung giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.368.097.204 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.910.507.978 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2015	1.704.141.999,366	11.545.465.936,600	77.660.377,073	38.913.963,027	2.669.262.740	13.368.851.538,806
Mua sắm mới	-	-	-	146.391.000	-	146.391.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.767.581,754	9.119.703,439	-	-	-	10.887.285,193
Phân loại lại	-	(884.985.000)	-	884.985.000	-	-
Tại ngày 31/12/2015	1.705.909.581,120	11.553.700.655,039	77.660.377,073	39.945.339,027	2.669.262.740	13.379.885.214,999

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	1.342.106.961,419	11.111.395.755,363	61.847.170,084	37.193.553,441	2.190.037,045	12.554.733.477,352
Trích khấu hao trong năm	38.751.050,061	400.171.647,307	3.523.426,962	1.291.156,700	322.648,545	444.059.929,575

Tại ngày 31/12/2015

	1.380.858.011,480	11.511.567.402,670	65.370.597,046	38.484.710,141	2.512.685,590	12.998.793.406,927
--	-------------------	--------------------	----------------	----------------	---------------	--------------------

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2015	325.051.569,640	42.133.252,369	12.289.780,027	1.460.628,886	156.577,150	381.091.808,072
Tại ngày 31/12/2014	362.035.037,947	434.070.181,237	15.813.206,989	1.720.409,586	479.225,695	814.118.061,454

Nguyên giá của TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 8.978 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.438 tỷ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	57.414.901.632	323.206.880	57.738.108.512
Tăng trong năm	-	992.168.000	992.168.000
Tại ngày 31/12/2015	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	47.812.248.855	323.206.880	48.135.455.735
Khấu hao trong năm	5.676.444.996	192.002.880	5.868.447.876
Tại ngày 31/12/2015	53.488.693.851	515.209.760	54.003.903.611
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	3.926.207.781	800.165.120	4.726.372.901
Tại ngày 31/12/2014	9.602.652.777	-	9.602.652.777

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	978.341.246	(224.947.931)	1.869.171.307	3.072.460.484
	978.341.246	(224.947.931)	1.869.171.307	3.072.460.484
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.036.393.099	155.523.994.988	149.175.182.397	9.385.205.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.188.158.537	35.681.446.116	179.860.966.804	8.008.637.849
Thuế tài nguyên	2.384.100.360	25.224.715.140	25.068.637.410	2.540.178.090
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.146.302.310	14.146.302.310	-
Các loại thuế khác	341.608.880	3.000.000	344.608.880	-
Các khoản phải nộp khác	3.545.269.967	2.780.440.800	6.085.475.567	240.235.200
Cộng	161.495.530.843	233.359.899.354	374.681.173.368	20.174.256.829

14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	304.939.840.134	240.169.166.127
Xây dựng cơ bản khác	374.293.098	1.182.149.891
	305.314.133.232	241.351.316.018

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015</u>	<u>Hoạt động chính</u>
				VND	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	27.476.250.000	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015</u>	<u>Hoạt động chính</u>
				VND	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97	25,97	1.451.055.770.150	Sản xuất điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng khoản đầu tư vào công ty liên kết và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (i)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (i)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (ii)	46.498.000.000	46.498.000.000
Tổng	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(445.655.921.755)	(120.691.772.046)
Đầu tư thuần	639.187.195.645	964.151.345.354

(i) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10,61% và 19,30%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(ii) Đầu tư chứng khoán khác: khoản đầu tư 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam	86.461.040.881	86.461.040.881	84.037.807.355	84.037.807.355
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng	90.059.094.931	90.059.094.931	10.286.908.363	10.286.908.363
Công ty Kinh doanh Than Bắc Lạng	84.160.576.569	84.160.576.569	37.213.048.412	37.213.048.412
Công ty Cổ phần Việt Long	79.275.850.818	79.275.850.818	103.562.193.475	103.562.193.475
Các khách hàng khác	90.725.304.033	90.725.304.033	157.664.272.633	157.664.272.633
	430.681.867.232	430.681.867.232	392.764.230.238	392.764.230.238

Phải trả người bán là các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả	33.681.734.223	34.060.398.243
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	304.939.840.134	240.169.166.127
Trích trước tiền điện tự dùng	3.183.351.607	31.278.091.043
Các khoản khác	1.159.030.484	2.145.709.276
	342.963.956.448	307.653.364.689

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	175.025.640	309.025.640
Bảo hiểm xã hội	249.238.913	155.176.864
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.638.065.626	255.764.610.326
Các khoản khác	4.058.885.737	2.093.062.753
	6.121.215.916	258.321.875.583

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện số nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày tại thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỊỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	4.409.113.043.667	4.409.113.043.667	-	332.616.810.965	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647
Cộng	4.409.113.043.667	4.409.113.043.667	-	332.616.810.965	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phá Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bán giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	348.807.603.594	326.600.968.547
Trong năm thứ hai	348.807.603.594	326.600.968.547
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.395.230.414.375	979.802.905.641
Sau năm năm	2.267.249.426.084	2.776.108.200.932
	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	348.807.603.594	326.600.968.547
Số phải trả sau 12 tháng	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp		Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	của chủ sở hữu	VND			VND	VND		
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	383.838.204.456	1.844.283.091.801	5.521.997.089.773	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.049.037.784.474	1.049.037.784.474	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	93.717.000.000	(133.292.000.000)	(39.575.000.000)	
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	(477.231.921.000)	(477.231.921.000)	
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(254.523.691.200)	(254.523.691.200)	
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	477.555.204.456	2.028.273.264.075	5.799.704.262.047	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	522.514.761.516	522.514.761.516	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	10.287.063.027	(69.448.063.027)	(59.161.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(381.785.536.800)	(381.785.536.800)	
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	487.842.267.483	2.099.554.425.764	5.881.272.486.763	

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông: 381.785.536.800 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 58.832.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10.287.063.027 VND;
- Trích quỹ thường ban điều hành: 329.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính riêng.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện		
<i>Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	7.527.230.631.930	7.403.368.716.131
<i>Điện tự dùng</i>	1.321.291.495	2.079.260.000
Hoạt động khác		
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	27.869.318.035	21.139.811.786
	7.556.421.241.460	7.426.587.787.917

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	6.623.699.394.602	6.968.010.562.663
Chi phí than, dầu	5.444.414.649.780	5.450.930.331.668
Chi phí khấu hao	439.280.044.577	678.244.901.756
Chi phí sửa chữa lớn	169.518.899.614	381.850.773.470
Chi phí sửa chữa thường xuyên	162.328.227.944	143.507.307.790
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	230.395.263.129	213.208.318.515
Chi phí phụ liệu	116.853.598.400	20.013.425.553
Chi phí khác	60.908.711.158	80.255.503.911
Hoạt động khác	72.809.894	4.100.596.617
	6.623.772.204.496	6.972.111.159.280

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.628.084.249.713	5.544.275.174.454
Chi phí nhân công	269.274.287.029	256.376.272.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.886.449.708	690.850.416.779
Chi phí sửa chữa lớn	169.518.899.614	381.850.773.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.397.145.195	38.276.045.975
Chi phí khác	95.745.035.918	147.669.879.497
	6.709.906.067.177	7.059.298.562.395

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.368.873.814	326.015.938.419
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	-	47.835.221.348
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	594.751.685.233
Cổ tức được nhận	90.018.750.000	88.417.250.000
	424.387.623.814	1.057.020.095.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	120.228.756.089	138.841.465.702
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	283.598.814.945	4.080.050.325
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	324.964.149.709	(871.000.000)
Chi phí tài chính khác	4.230.738.181	173.337.664
	733.022.458.924	142.223.853.691

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	VND	VND
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	471.033.035.000	912.047.482.510
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	848.077.480.531	86.005.700.657
Thu nhập từ hoạt động khác	(377.044.445.531)	826.041.781.853
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính</i>	<i>7,5%</i>	<i>7,5%</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác</i>	<i>22%</i>	<i>22%</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.327.477.626	188.179.619.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (i)	353.968.490	53.513.190.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.681.446.116	241.692.810.543

- (i) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung trong năm thể hiện chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	704.249.962.591	1.156.466.459.419
Nợ thuần	3.655.845.085.056	3.252.646.584.248
Vốn chủ sở hữu	5.881.272.486.763	5.799.704.262.047
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,62	0,56

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	704.249.962.591	1.156.466.459.419
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.383.166.458.249	2.122.191.482.166
Phải thu về cho vay	3.085.000.000.000	2.350.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	753.263.176.895	1.082.303.307.854
Tổng cộng	8.320.031.562.808	8.156.813.214.512
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	436.378.818.595	651.086.105.821
Chi phí phải trả	37.649.823.216	66.302.048.671
Tổng cộng	4.834.123.689.458	5.126.501.198.159

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật (JPY)	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng một khoản là 436.009.504.765 VND (năm 2014: 440.911.304.367 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 32.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	704.249.962.591	-	-	704.249.962.591
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.394.351.965.073	-	-	2.394.351.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.383.166.458.249	-	-	1.383.166.458.249
Phải thu về cho vay	735.000.000.000	2.000.000.000.000	350.000.000.000	3.085.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	114.075.981.250	639.187.195.645	753.263.176.895
Tổng cộng	5.216.768.385.913	2.114.075.981.250	989.187.195.645	8.320.031.562.808

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	348.807.603.594	1.395.230.414.376	2.616.057.029.677	4.360.095.047.647
Phải trả người bán và phải trả khác	436.378.818.595	-	-	436.378.818.595
Chi phí phải trả	37.649.823.216	-	-	37.649.823.216
Tổng cộng	822.836.245.405	1.395.230.414.376	2.616.057.029.677	4.834.123.689.458

Chênh lệch thanh khoản thuần	4.393.932.140.508	718.845.566.874	(1.626.869.834.032)	3.485.907.873.350
-------------------------------------	--------------------------	------------------------	----------------------------	--------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.156.466.459.419	-	-	1.156.466.459.419
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.445.851.965.073	-	-	1.445.851.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.122.191.482.166	-	-	2.122.191.482.166
Phải thu về cho vay	2.000.000.000.000	-	350.000.000.000	2.350.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	118.151.962.500	964.151.345.354	1.082.303.307.854
Tổng cộng	6.724.509.906.658	118.151.962.500	1.314.151.345.354	8.156.813.214.512

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	326.600.968.547	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	651.086.105.821	-	-	651.086.105.821
Chi phí phải trả	66.302.048.671	-	-	66.302.048.671
Tổng cộng	1.043.989.123.039	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	5.126.501.198.159

Chênh lệch thanh khoản thuần	5.680.520.783.619	(1.188.251.911.688)	(1.461.956.855.578)	3.030.312.016.353
-------------------------------------	--------------------------	----------------------------	----------------------------	--------------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh mục các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm:*

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	7.527.230.631.930	7.403.368.716.131
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	332.616.810.965	379.796.632.147
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	120.228.756.089	138.841.465.702
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	86.854.282.912	152.444.279.902
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	1.217.336.117	4.178.435.177
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	191.851.388.889	216.332.416.667
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	3.750.000.000	3.750.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	77.910.000.000	71.417.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	2.512.500.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	5.176.250.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	2.109.480.000	1.940.312.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	348.807.603.594	326.600.968.547
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Mua bán điện	1.293.207.995.747	2.014.308.455.825
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	26.374.116.892	80.345.437.528
Phải thu cho vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Phát điện 2	735.000.000.000	2.000.000.000.000
Phải thu cho vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại và trình bày lại cho mục đích so sánh với số liệu tương ứng của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	3.445.851.965.073	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.445.851.965.073	Phân loại lại và đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	2.125.226.257.381	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.125.226.257.381	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	509.429.422	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	509.429.422	Đổi tên
Không trình bày			4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.000.000.000.000	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	135	184.720.302	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	743.388.111	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	558.667.809	6. Tài sản ngắn hạn khác	155		- Phân loại lại
Không trình bày			7. Phải thu về cho vay dài hạn	215	350.000.000.000	Phân loại lại
Không trình bày			8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1.084.843.117.400	Phân loại lại
6. Đầu tư dài hạn khác	258	1.552.995.079.900	9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	118.151.962.500	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	392.764.230.238	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	392.764.230.238	Đổi tên
3. Người mua trả tiền trước	313	115.156.018	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	115.156.018	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	307.653.364.689	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	307.653.364.689	Đổi tên
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	258.321.875.583	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	258.321.875.583	Đổi tên
4. Vay và nợ ngắn hạn	311	326.600.968.547	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	326.600.968.547	Đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	4.082.512.075.120	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.082.512.075.120	Đổi tên
6. Vốn điều lệ	411	3.262.350.000.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.262.350.000.000	Đổi tên
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	365.055.204.456	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	477.555.204.456	Phân loại lại
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	112.500.000.000	Không trình bày			- Phân loại lại



Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc